

## TIẾP NHẬN VÀ ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT VĂN HỌC SO SÁNH Ở TRUNG QUỐC QUA CÁC THỜI KÌ

Ngô Viết Hoàn

*Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

**Tóm tắt:** Lấy thời điểm Hiệp hội Văn học so sánh Trung Quốc được thành lập vào năm 1985 làm điểm đối sánh, dựa trên phân kỳ lịch sử phát triển của bộ môn văn học so sánh tại Trung Quốc, bài viết này tiến hành khảo cứu một cách toàn diện về hệ thống tư liệu và các dữ kiện lịch sử liên quan. Qua đó, khái quát các đặc điểm nổi trội về việc tiếp nhận và ứng dụng lý thuyết văn học so sánh tại Trung Quốc qua ba giai đoạn: Giai đoạn tiền lịch sử (1906-1949), giai đoạn phi chuyên ngành và ngoại diên hoá (1949-1985) và giai đoạn chuyên ngành hoá, phát triển toàn diện (1985-nay). Phác hoạ bức tranh sinh động về văn học so sánh cũng như xu hướng phát triển của nó tại Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, cung cấp tham chiếu khả tín cho việc xây dựng chuyên ngành đào tạo này trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam.

**Từ khoá:** văn học so sánh, phong trào du học, tiếp nhận lý thuyết, Trung Quốc.

### 1. Mở đầu

Mặc dù, văn học so sánh với tư cách một khoa học độc lập được tiếp nhận và giới thiệu từ phương Tây; tuy thế, từ lịch sử phát triển của bộ môn này tại Trung Quốc, dễ nhận thấy, văn học so sánh tại nước này có một lịch sử phát triển độc đáo của riêng mình. Dựa trên tiến trình lịch sử này, có thể nhận thấy văn học so sánh ở Trung Quốc đã trải qua ba giai đoạn phát triển, bao gồm: Giai đoạn Tiền lịch sử với tư cách một phương pháp nghiên cứu (1906-1949), Giai đoạn phi chuyên ngành và ngoại diên hoá (1949-1985), Giai đoạn chuyên ngành hoá và phát triển toàn diện (1985- nay). Trên phương diện này, Vương Quốc Duy và Lỗ Tấn có thể xem như những nhà nghiên cứu văn học so sánh đầu tiên ở Trung Quốc. *Bình luận Hồng lâu mộng* của Vương Quốc Duy và *Lý thuyết về thơ Moro* của Lỗ Tấn đã đặt nền tảng cho sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc cũng như sự hồi sinh toàn diện của nó sau đại cách mạng văn hoá. Sau khi Tân Trung Quốc (Chi Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa - NVH) được thành lập, do ảnh hưởng của tư tưởng văn học, nghệ thuật Liên Xô; văn học so sánh ở Trung Quốc bị đẩy ra ngoài rìa và ngày một ngoại diên hoá. Mãi cho đến thời đại cải cách và mở cửa, văn học so sánh mới thực sự được tiếp nhận, giới thiệu từ phương Tây một lần nữa như một khoa học độc lập. Kể từ sau khi Hiệp hội văn học so sánh Trung Quốc được thành lập từ năm 1985 đến nay, các học giả Trung Quốc như Nhạc Đại Vân, Dương Huệ Lâm, Tào Thuận Khánh, Vương Ninh đã nỗ lực tổ chức nhiều hội thảo quốc tế quy mô lớn về văn học so sánh; đặc biệt là Hội nghị Quốc tế song phương Trung Mỹ về văn học so sánh vốn đã được khởi xướng bởi Tiền Trung Thư ở các giai đoạn trước đó. Các hội nghị này tập trung vào giải quyết mối quan hệ và tiến hành đối thoại giữa hai nền văn học Trung Quốc - Mỹ cũng như xoay quanh các nghiên cứu

---

Ngày nhận bài: 11/6/2020. Ngày sửa bài: 27/7/2020. Ngày nhận đăng: 10/8/2020.

Tác giả liên hệ: Ngô Viết Hoàn. Địa chỉ e-mail: [ngoviethoan@gmail.com](mailto:ngoviethoan@gmail.com)

về lí luận phê bình văn học phương Tây hiện đại. Cũng thông qua các diễn đàn này, các học giả Trung Quốc có cơ hội được tham gia và công hiến tiếng nói của mình cho nền học thuật hiện đại thế giới. Tất cả những điều này đã thúc đẩy hiệu quả quá trình quốc tế hóa của khoa học xã hội và nhân văn ở Trung Quốc nói chung, khoa nghiên cứu văn học so sánh nói riêng.

Trong số các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Trung Quốc hiện nay, văn học so sánh có thể xem là một trong những ngành khoa học có tính quốc tế hoá và cởi mở nhất. Nó đã hình thành và phát triển nhanh chóng ở Trung Quốc cùng với làn gió cải cách mở cửa tại nước này. Tại những thời điểm nhất định, văn học so sánh thậm chí đã trở thành một bộ môn khoa học cực “hot” tại Trung Quốc, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của cả các học giả văn học so sánh cũng như phi văn học so sánh. Nhưng trước những biến đổi không ngừng của thời đại toàn cầu hóa, đối mặt với tác động của nhiều xu hướng lí thuyết mới cũng như xu hướng nghiên cứu văn hóa, văn học so sánh ở Trung Quốc cũng đã từng rơi vào tình trạng “khủng hoảng”. Tuy thế, những “cuộc khủng hoảng” này đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự đổi mới tự thân của khoa nghiên cứu văn học so sánh tại Trung Quốc và khiến cho nó có được sự phát triển liên tục cả về lí thuyết cũng như phương pháp nghiên cứu. Bài nghiên cứu này dựa trên các đặc điểm lịch sử của khoa học văn học so sánh tại Trung Quốc, qua đó khái quát đặc điểm tiếp nhận lí thuyết và phương pháp luận văn học so sánh ở nước này qua các thời kì. Trong bối cảnh Văn học so sánh với tư cách một hệ thống lí thuyết và phương pháp luận được tiếp nhận và ứng dụng một cách khá “nhỏ giọt” ở Việt Nam, đồng thời cũng chưa được xây dựng thành một chuyên ngành đào tạo độc lập trong hệ thống các khoa, trường đại học ở Việt Nam; những vấn đề mà bài nghiên cứu này đặt ra và tiến hành giải quyết do đó có tính thời sự và ý nghĩa học thuật nhất định.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Phong trào du học và những nỗ lực của các du học sinh Trung Quốc giai đoạn Văn Thanh - Dân Quốc trong việc xây dựng bộ môn nghiên cứu Văn học so sánh tại nước này**

Năm 1854, sau khi hoàn thành chương trình du học tại Mỹ và về nước, Dung Hoảng - du học sinh Trung Quốc đầu tiên vào cuối triều đại nhà Thanh - đã tích cực kêu gọi chính quyền nhà Thanh gửi sinh viên ra nước ngoài du học nhằm tiếp thu văn hoá phương Tây tiên tiến để cứu nước, cứu dân. Lí do ông đưa ra để thuyết phục triều đình nhà Thanh là: “đem nền học thuật phương Tây áp dụng vào Trung Quốc, làm cho Trung Quốc ngày một trở nên văn minh và thịnh vượng hơn” [1; tr. 108]. Mặc dù hành động này nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của các quan chức phụ trách Dương Vụ Phái (Phong trào Dương vụ còn được gọi là phong trào Tự cường, được tiến hành từ những năm 60 đến những năm 90 của thế kỉ 19 dưới thời Văn Thanh. Phong trào này chủ trương nhập khẩu vũ khí, trang thiết bị, khí tài quân sự cũng như máy móc sản xuất và khoa học kỹ thuật phương Tây nhằm cứu vãn sự thống trị của nhà Thanh. - NVH) như Tăng Quốc Phan, Lí Hồng Chương; nhưng nó đồng thời cũng chịu sự phản kháng và bài xích mạnh mẽ của phe bảo thủ. Mãi đến năm 1972, triều đình nhà Thanh mới tuyển chọn các em nhỏ đi theo Dung Hoảng đến Hoa Kỳ học tập. Mặc dù chỉ sau vài kì, chế độ tuyển cử trẻ em ra nước ngoài du học đã bị đình chỉ. Tuy thế, ý nghĩa của nó nằm ở việc mở ra một chế độ học tập hoàn toàn mới trên toàn cõi Trung Hoa. Sau thất bại bi thảm của cuộc chiến Giáp Ngọ, nhiều tri thức Trung Quốc bắt đầu đổi diện và có những tư duy sâu sắc về sự bảo thủ và lạc hậu của hệ hình văn hoá truyền thống. Đồng thời dần ý thức được rằng: “Đổi mới xã hội, giáo dục có vai trò quan trọng hàng đầu. Nếu không muốn bị thua kém thế giới ngay trên chính đất nước mình thì nhất định phải thực hiện chiến lược du học Thái Tây” [2; tr. 87]. Du học phương Tây một lần nữa nhận được sự quan tâm, ủng hộ của triều đình và hình thành phong trào du học trong toàn dân, kéo dài cho đến tận thời kì Dân Quốc. “Công hiến đầu tiên sau khi du học về nước của các du học sinh chính là việc dùng Trung văn dịch, giới thiệu và quảng bá khoa học tự nhiên và

khoa học nhân văn của nước ngoài. Qua đó, thúc đẩy làn sóng cải cách chế độ phong kiến và văn hoá bảo thủ cố hữu ở Trung Quốc” [3; tr. 4]. Phong trào du học đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến Trung Quốc cận đại trên nhiều phương diện, bao gồm thể chế chính trị, tư tưởng xã hội, văn hoá giáo dục, văn học nghệ thuật,... Có thể nói, quá trình hiện đại hoá xã hội và văn học Trung Quốc chính là hệ quả của các phong trào do du học sinh khởi xướng. Không kể các đại diện tiêu biểu như Lương Khởi Siêu với phong trào “Cách mạng tam giới”, Hồ Thích với phong trào “Văn bạch thoại” hay Lỗ Tấn vạch trần sự hèn nhọc thâm căn cố đế của quốc dân,... khởi xướng các phong trào văn hoá xã hội khác, dường như đều từng là lưu học sinh hoặc đã có trải nghiệm du học ở nước ngoài. “Không có lưu học sinh, nền văn hoá mới và giáo dục mới của Trung Quốc nhất định không thể được như ngày hôm nay... Môn học và chương trình học trong giáo dục, công ty và ngân hàng trong lĩnh vực thương nghiệp, máy móc chế tạo trong lĩnh vực công nghiệp ngày nay,... không có cái nào không được mô phỏng Âu, Mỹ, Nhật; càng không có cái nào không phải do lưu học sinh trực tiếp hay gián tiếp truyền về.” [2; tr. 1]. Cũng giống như các lĩnh vực khác của tri thức hiện đại, văn học so sánh - bộ môn khoa học được hình thành và phát triển tại Tây Âu từ nửa sau thế kỉ 19 cùng với phương thức khoa học và hệ thống lí thuyết của nó cũng thông qua các thế hệ du sinh sinh mà được tiếp nhận vào Trung Quốc.

Đặc tính quan trọng và trước hết của văn học so sánh chính là tầm nhìn bao quát mang tính thế giới và góc nhìn so sánh của phương pháp luận nghiên cứu. Điều này đòi hỏi các nhà nghiên cứu văn học so sánh cần phải: “Một là, nhất thiết phải có sự tiếp xúc với văn hoá nước ngoài. Hai là phải có một tầm nhìn phổ quát, nghĩa là có lập trường nghiên cứu văn học dựa trên một cái nhìn có tính quốc tế hoá...” [4; tr. 25]. Cũng có nghĩa là, nhà nghiên cứu văn học so sánh nhất thiết phải có khả năng đọc hiểu ngôn ngữ nước ngoài và phải có góc nhìn vượt qua sự đơn nhất của một nền văn hoá mới có thể tiến hành các nghiên cứu văn học so sánh, mà lưu học sinh lại là đối tượng có ưu thế trực tiếp trên các phương diện này. Lương Khởi Siêu trong công trình *Khái luận học thuật đời Thanh* đã giải thích về sự thất bại trong cuộc vận động cải cách xã hội dưới đời Văn Thanh như sau:

“Trong phong trào vận động cải cách vào thời Văn Thanh, việc bất hạnh nhất chính là toàn thể du học sinh không tham gia vào phong trào này. Trong khi đó, khởi xướng và nòng cốt của phong trào này lại là những người không biết ngôn ngữ phương Tây. Do năng lực có hạn, nên sự nhỏ lẻ, vụn vặt, qua loa, nông cạn, sai lầm là không thể tránh khỏi. Khiến cho phong trào mặc dù được tiến hành trong suốt 20 năm nhưng không xây dựng được nền tảng vững chắc, lúc thăng lúc trầm, bị xã hội coi nhẹ” [5; tr. 72].

Điều này cho thấy sự cải cách xã hội và quá trình hiện đại hoá của văn hóa Trung Quốc nhất thiết phải dựa vào các trí thức đã từng du học ở nước ngoài (tức quần thể du học sinh). Các sự kiện lịch sử diễn ra ở Trung Quốc sau này cũng đã khẳng định tính chính xác của nhận định nói trên của Lương Khởi Siêu. Các quan chức, học giả chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa truyền thống không thể là người khởi xướng và tạo ra sự cải cách xã hội Trung Quốc. Kể từ thời hiện đại, các cuộc cải cách xã hội và Phong trào văn hóa mới Ngũ Tứ hầu như đều liên quan đến tầng lớp du học sinh, hay ít nhất tầng lớp du học sinh cũng là lực lượng chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của các phong trào này.

Với tư cách là một trong những phương thức biểu đạt quan trọng của văn hoá, văn học có một sức mạnh to lớn trong việc định hướng xã hội và có sự nhạy cảm nhất định trên phương diện chính trị. Đối với văn học Trung Quốc từ thời cận đại về sau, điều này trở nên hết sức rõ rệt. Trong đó, quá trình đấu tranh chống lại sự bảo thủ, giáo điều của truyền thống và không ngừng hiện đại hoá trở thành những đặc điểm nổi trội. “Tính hiện đại” của nền văn hoá xã hội Trung Quốc thời kì này chính là hệ quả của quá trình tiếp nhận “Thế giới quan hiện đại” của lưu học sinh Trung Quốc qua các thời kì. Các tác gia hay học giả nổi tiếng trên văn đàn Trung Quốc giai đoạn Văn Thanh gần như đều từng du học Âu Mỹ hoặc Nhật Bản, thậm chí có những người

còn có thể nghiệm du học ở cả Âu Mỹ và Nhật Bản. Các tác gia như Lỗ Tấn, Châu Tác Nhân, Úc Tác Phu, Quách Mạt Nhược, Mao Thuần, Lão Xã, Ba Kim, Lâm Ngữ Đường, Văn Nhất Đa, Lương Thực Thu, Đại Vọng Thu, ... hay các học giả như Nghiêm Phục, Lương Khởi Siêu, Chương Thái Viêm, Trần Hoàng Cách, Vương Quốc Duy, Cô Hồng Minh, Tô Mạn Thù, Thái Nguyên Bồi, Mai Đài Kì, Tưởng Mộng Lân, Phó Tư Niên, Ngô Mật, Trần Toàn, Tiền Trung Thu, Quý Tiễn Lâm, Phạm Tồn Trung, Chu Quang Tiềm, Phùng Hữu Lan, Chu Duy Chi, Dương Hiến Ích, ... đều thuộc tầng lớp tri thức du học về nước. Tầng lớp tri thức Trung Quốc thời kì này sở dĩ hầu như đều tìm đường du học khắp nơi cũng đều có nguyên nhân đặc thù của nó: Nguyên nhân vĩ mô không nằm ngoài lí tưởng cứu nước, cứu dân song nguyên nhân vi mô chính là tìm đường cứu cánh cho bản thân. Giới tri thức Trung Quốc đương thời đều cho rằng, muốn đạt được thành tựu nào đó “không thể không biết đến học lí phương Tây, nếu như có thể ra nước ngoài du học vài năm mưu sự sẽ trở nên dễ dàng hơn” [6; tr. 42]. Theo các số liệu thống kê, mặc dù lượng lưu học sinh du học về nước thành công chiếm một tỉ lệ không quá cao, nhưng không kể du học các ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật hay khoa học xã hội nhân văn, sau khi về nước họ đều trở thành những người có đóng góp quan trọng trong lĩnh vực của mình, đồng thời trở thành lực lượng hạt nhân của công cuộc cải cách văn hoá và tiến bộ xã hội. Những trải nghiệm trong quá trình du học, khiến cho các thế hệ du học sinh đã tự giác hoặc bị động tiếp nhận văn hoá phương Tây, đồng thời ý thức được rằng cần tiếp nhận phần tinh hoa nhất của văn hoá phương Tây để thay thế cho các nhân tố lạc hậu của văn hoá Trung Quốc; cùng với đó là việc tìm tòi con đường cách tân và hiện đại hoá văn hoá tự thân.

Trong lịch sử phát triển của khoa học văn học so sánh ở Trung Quốc, giới học giả nước này đều có quan điểm đồng nhất rằng, bộ môn này bắt đầu có sự phát triển một cách có ý thức từ giai đoạn cuối Thanh đầu Dân Quốc. Nguyên Chủ tịch Hiệp hội văn học so sánh quốc tế Douwe W. Fokkema cũng cho rằng, văn học so sánh bắt đầu xuất hiện ở Trung Quốc vào năm 1907 khi Lỗ Tấn công bố bài viết *Lí thuyết về thơ Moro*. Nhận định này của Fokkema có thể chưa hoàn toàn chặt chẽ, vì ngay từ năm 1904, Vương Quốc Duy đã công bố bài nghiên cứu *Nietzsche và Schopenhauer*. Bài nghiên cứu này kì thực trên một phương diện nào đó mà nói đã có được ý thức tự giác và thế giới quan của văn học so sánh hiện đại rồi. Tuy thế, *Lí thuyết về thơ Moro* là sản phẩm được viết ra trong quá trình Lỗ Tấn du học tại Nhật Bản, sau khi ông có sự tiếp xúc một cách hệ thống về văn học so sánh. Do đó, công trình này có thể được xem như đã đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc. Trong bài nghiên cứu này, Lỗ Tấn đã tiến hành so sánh tiến trình phát triển của các nền văn học dân tộc trên thế giới. Ông không chỉ sử dụng nhãn quan lịch sử để giải thích về truyền thống văn học lâu đời và phong phú của các nền văn học Ấn Độ, Do Thái, Iran, Ai Cập, ... mà còn sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh song song để phân tích và thảo luận về các tác phẩm của Byron, Puskin, Ibsen, Sienkiewicz, Mickiewicz, ... Đúng như Từ Trung Ngọc từng nhận định:

“Trước ông ấy, lí luận phê bình văn học Trung Quốc đã xuất hiện không ít các bài viết nghiên cứu so sánh văn học Mỹ, Nhật, Âu; đồng thời cố gắng thông qua so sánh tìm ra con đường cải cách nhằm phục hưng dân tộc, mở ra con đường mới cho nghiên cứu văn học so sánh Trung Quốc và nước ngoài; nhưng chưa có ai có thể luận thuật một cách cụ thể, xúc tích và tràn đầy tinh thần thời đại cũng như ý nghĩa thực tế như ông ấy” [7, tr. 18-19].

Tương hợp Lỗ Tấn cho thấy rằng, khi du học ở một môi trường hoàn toàn khác biệt, người ta dễ dàng nhận ra nguyên nhân sâu sắc của sự khác biệt giữa các nền văn hoá; mà tính khác biệt giữa các nền văn hoá càng rõ rệt thì ý thức so sánh càng mạnh mẽ, các kết luận được đúc kết ra cũng vì thế có giá trị tham khảo nhiều hơn. Về vấn đề này, Tưởng Mộng Lân từng khẳng khái:

“Đối với những thứ của Âu Mỹ, tôi luôn thích sử dụng thước đo Trung Quốc để so sánh, đó chính là cách đi từ cái chưa biết đến cái đã biết... Một du học sinh Trung Quốc muốn hiểu thấu đáo về văn hoá phương Tây chỉ có cách dựa trên nền tảng những hiểu biết về chính văn hoá của

dân tộc mình... từ nay về sau, công việc chính của tôi sẽ là tìm ra cho được Trung Quốc thực sự đang thiếu hụt những gì, sau đó mới học tập những cái cần thiết đó từ phương Tây” [8; tr. 80].

Kinh nghiệm du học không chỉ giúp các du học sinh Trung Quốc có một nền tảng vững chắc về ngôn ngữ khi tiến hành các nghiên cứu văn học so sánh, mà còn giúp cho họ có được góc nhìn “đa văn hoá” và ý thức so sánh trong quá trình nghiên cứu văn học. Việc có được tầm nhìn và tâm thế quốc tế hoá đã khiến cho phương pháp nghiên cứu của văn học so sánh được chấp nhận và trọng thị tại Trung Quốc kể từ trước và sau phong trào Ngũ Tứ:

Họ đã chỉ ra những quan niệm hoàn toàn khác biệt với quan niệm văn học truyền thống Trung Quốc trên các phương diện như tính chất của văn học, nội dung của văn học và chức năng của văn học,... những quan niệm đó đều được hình thành trong quá trình tiếp nhận và học hỏi quan niệm văn học cận hiện đại phương Tây. Họ đã tiếp nhận một cách toàn diện quan niệm văn học phương Tây hiện đại, điều này khiến cho họ có thể phát triển mạnh mẽ và đưa ra những kết luận phi phạm [9; tr. 153].

Có thể nói, bằng sự nỗ lực của các thế hệ lưu học sinh, nghiên cứu văn học ở Trung Quốc đã bắt kịp và có được sự hoà nhập cùng văn học hiện đại thế giới.

Văn học so sánh ở Trung Quốc về cơ bản được hình thành và phát triển dưới sự ảnh hưởng của khoa học hiện đại phương Tây. Do đó, Vương Quốc Duy mới nhận định: “Các nhà triết học của nước ta nên có những hiểu biết sâu sắc về triết học phương Tây chứ không chỉ dừng lại ở triết học Nho giáo của Khổng Tử” [10; tr. 5]. Mà những người am tường về hệ hình tri thức phương Tây, có thể tiếp nhận và truyền bá khoa học phương Tây cận đại dường như đều là các du học sinh am tường học lí Đông - Tây. Riêng trong lĩnh vực văn học, tiến trình hiện đại hoá văn học truyền thống Trung Quốc hay sự tiếp nhận và truyền bá lí luận văn học so sánh đều được hưởng lợi từ phong trào du học giai đoạn Văn Thanh, đầu Dân Quốc. Đúng như Tống Bính Huy từng nhận xét:

“Hồi tưởng lại quá trình phát triển của văn học so sánh Trung Quốc từ tiếp nhận, phát triển và sau cùng trở thành một khoa học độc lập có thể phát hiện, nó dường như đồng bộ với sự phát triển của khoa học văn học tại Trung Quốc trong thế kỉ XX. Điều này cũng có nghĩa rằng, văn học so sánh có cùng bối cảnh văn hoá với văn học Trung Quốc thế kỉ XX, và được hình thành trên nền tảng văn hoá đó. Chúng đều được hình thành trong bối cảnh có sự áp đảo của diễn ngôn phương Tây. Đồng thời, thông qua việc không ngừng tiếp nhận mô thức nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và các quan niệm cơ bản của khoa học chuyên ngành mà có được sự phát triển” [11; tr. 26].

Điều này cũng có nghĩa là, nếu như văn học hiện đại Trung Quốc được hình thành và phát triển trong mối liên hệ chặt chẽ với văn học thế giới, thì đối với một khoa học nhấn mạnh tính thế giới trong nghiên cứu văn học như văn học so sánh, sự tiếp biến và giao thoa giữa các nền văn học càng có ý nghĩa quan trọng, tất yếu.

Tuy thế, giống như nhiều thuật ngữ hiện đại khác khác được du nhập vào Trung Quốc, phạm trù “văn học so sánh” lần đầu tiên được du nhập và giới thiệu vào nước này từ Nhật Bản. Năm 1919, Trương Tích Thâm đã dịch thuật công trình của học giả người Nhật Bản Văn Cửu Hùng “Phương pháp nghiên cứu Văn học” và công bố trên tạp chí *Tân Trung Quốc*. Trong công trình dịch này, Trương Tích Thâm dựa theo trước tác của học giả Nhật Bản đã giới thiệu một cách khái quát về công trình *Lịch sử Văn học so sánh* của học giả người Pháp Lorille và công trình *Văn học so sánh* của học giả người Anh Posner. Đây là lần đầu tiên thuật ngữ “văn học so sánh” được đề cập trên diễn đàn văn học Trung Quốc hiện đại. Tuy vậy, việc dịch thuật và giới thiệu về văn học so sánh của Trương Tích Thâm vẫn chưa đạt đến sự khái quát cao của một khoa học chuyên ngành. Phải từ những năm 1930 về sau, sau khi Phó Đông Hoa và Đại Vọng Thư dịch và xuất bản hai công trình *Lịch sử Văn học So sánh* của Lorille và *Văn học so sánh luận* của Paul Van Tieghem được ấn hành vào các năm 1931, 1937, văn học so sánh với tư cách là một hệ hình lí thuyết và phương pháp luận độc lập mới thực sự được giới thiệu một cách hệ

thống tại Trung Quốc. Ngoài ra, vào năm 1935, Ngô Khang - một học giả Lĩnh Nam từng du học tại Pháp, đã công bố bài nghiên cứu “Dẫn nhập Văn học So sánh” trên tạp chí *Văn Sử Hội San* của Đại học Quốc lập Trung Sơn. Trong bài viết này ông đã tiến hành thảo luận về nội hàm của khái niệm “văn học so sánh” cũng như sự khác biệt trong phong cách văn bản giữa Trung Quốc và phương Tây. Các công được trình dịch và giới thiệu rộng rãi này đã cung cấp những cách nhìn mới, phương pháp luận mới cho lí luận phê bình văn học Trung Quốc, mở rộng không gian cũng như phạm vi nghiên cứu cho khoa nghiên cứu văn học tại Trung Quốc.

Trong quá trình nghiên cứu văn học, các học giả đã từng du học ở nước ngoài thường tự giác hoặc bị động sử dụng phương pháp nghiên cứu của văn học so sánh. Đúng như Bakhtin đã từng nhận định:

“Trong lĩnh vực văn hóa, ngoại cảnh là đòn bẩy mạnh mẽ nhất của sự hiểu biết. Chỉ trong góc nhìn của các nền văn hóa dị biệt, một nền văn hóa mới có thể bộc lộ một cách đầy đủ và sâu sắc... Trong trường hợp có sự gặp gỡ và đối thoại giữa hai nền văn hóa, các nền văn hoá này sẽ không có sự hợp nhất hay trộn lẫn với nhau; ngược lại, mỗi một nền văn hoá sẽ cố gắng duy trì sự thống nhất và tính toàn vẹn cội rễ của riêng mình, nhưng đồng thời cũng sẽ góp phần làm phong phú lẫn nhau” [12; tr. 221].

Các du học sinh với những thể nghiệm văn hoá mới có thể phân tích và so sánh các phong cách văn học một cách khách quan nhất và đưa ra các mô hình nghiên cứu văn học mới. Vào thời điểm đó, các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc “thường dựa trên các quan niệm văn học phương Tây để giải quyết một số vấn đề của văn học Trung Quốc. Việc này không rõ là tốt hay xấu trong tương lai, nhưng đây đã là một sự thật không thể tránh khỏi...” [13; tr. 541]. Điều này cũng có nghĩa rằng, văn học so sánh đã thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực của khoa nghiên cứu văn học tại Trung Quốc trong những năm 1930. Đây rõ ràng là những cống hiến to lớn của các thế hệ du học sinh Trung Quốc sau thời gian du học ở nước ngoài. Học tập và nghiên cứu ở nước ngoài khiến cho họ cơ hội tiếp xúc với các động thái và xu hướng mới nhất của nghiên cứu văn học thế giới. Tiếp sau đó, họ đã có những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc xây dựng hệ thống lí luận và phương pháp luận chuyên ngành cho nghiên cứu văn học so sánh ở Trung Quốc, đồng thời đổi mới phương pháp nghiên cứu của lí luận phê bình văn học Trung Quốc truyền thống, “Họ không chỉ thay đổi hình thái đơn nhất của phê bình văn học truyền thống, mà còn cải cách và tái cấu trúc hệ hình lí luận phê bình văn học truyền thống theo các định hướng mới” [14; tr. 107]. Những nỗ lực này của giới tri thức Tây học Trung Quốc đã trực tiếp thúc đẩy sự hội nhập của nghiên cứu văn học ở Trung Quốc với thế giới và hình thành một đội ngũ hùng hậu các học giả xuất sắc cũng như tạo ra một loạt các thành tựu nghiên cứu quan trọng trong giai đoạn này.

## **2.2. Tiếp nhận và ứng dụng lí thuyết Văn học So sánh ở Trung Quốc từ sau thời kì Dân Quốc đến trước 1985**

Mặc dù sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc với tư cách một chuyên ngành độc lập đã được bắt đầu từ cuối những năm 1970 đầu những năm 1980, nhưng như chúng tôi đã khái quát ở trên, chuyên ngành này đã trải qua hơn 100 năm hình thành, phát triển và đã có một lịch sử lâu dài ở Trung Quốc. Trong giai đoạn phát triển đầu tiên của nó, Vương Quốc Duy và Lỗ Tấn đã có những đóng góp có tính chất lịch sử trong việc đặt nền móng cho sự tiếp nhận lí luận và phương pháp nghiên cứu của văn học so sánh tại Trung Quốc. Mặc dù ở thời đại của họ, hệ thống lí luận chuyên ngành của khoa văn học so sánh chưa được tiếp nhận ở Trung Quốc; thậm chí thuật ngữ “văn học so sánh” còn chưa xuất hiện trong từ điển Hán ngữ. Dẫu vậy, một số học giả tiên phong trong lĩnh vực văn học so sánh ở Trung Quốc thời kì đó đã nhận thức được bản chất xuyên quốc gia của giao lưu văn học và mối liên hệ đa chiều trong nghiên cứu văn học, đồng thời có ý thức trong việc đưa nó vào thực tiễn nghiên cứu của bản thân.

Như học giả văn học so sánh Hà Lan Douwe Fokkema từng nhận xét, sự trỗi dậy của văn học so sánh ở Trung Quốc bắt đầu với công trình “Lí thuyết thơ Moro” của Lỗ Tấn (1907), vì vậy Lỗ Tấn nên được coi là nhà nghiên cứu văn học so sánh đầu tiên ở Trung Quốc. Nếu đồng ý với quan điểm này, chúng ta có thể suy luận thêm rằng, văn học so sánh không được các học giả Trung Quốc xem như một môn khoa học độc lập khi nó lần đầu tiên được tiếp nhận ở Trung Quốc, mà được giới thiệu như một phương pháp nghiên cứu văn học hay một góc nhìn lí thuyết của phê bình văn học. Trong “Lí thuyết thơ Moro” của Lỗ Tấn, ông đã sử dụng “Thơ Moro” của Byron và Shelley - những nhà thơ tiên phong của chủ nghĩa lãng mạn châu Âu - để chỉ trích những hiện tượng đen tối và bất công ở Trung Quốc thời đó; kêu gọi thay đổi toàn diện chính trị, xã hội, văn hóa và văn học Trung Quốc. Động thái này của Lỗ Tấn đã tạo ra những ảnh hưởng sâu sắc trong giới văn học và trí thức Trung Quốc lúc bấy giờ. Ngày nay nhìn lại, bài viết thấm đượm tinh thần chiến đấu đó của Lỗ Tấn thực sự là một công trình nghiên cứu văn học so sánh công phu. Nó đã vận dụng cả phương pháp nghiên cứu tiếp nhận, ảnh hưởng và phương pháp phân tích so sánh song song về tình hình trí thức ở Trung Quốc thời đó. Vì vậy, ngay cả học giả văn học so sánh điển hình của châu Âu - Fokkema, người chú ý đến nghiên cứu thực nghiệm và giới phân tích lí thuyết cũng cho rằng bài nghiên cứu đó của Lỗ Tấn có giá trị học thuật và ý nghĩa lí luận đặc biệt cho sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc.

Một học giả khác cũng có những đóng góp cơ bản cho sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc thời kì đầu chính là Vương Quốc Duy. Trong những tháng năm non trẻ, Vương Quốc Duy theo đuổi sự nghiệp Tân học, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc của cả tư tưởng mĩ học và triết học phương Tây lẫn mĩ học và triết học cổ điển Trung Quốc. Biệt tài của ông nằm ở chỗ đã kết hợp một cách khéo léo sự khác biệt về chất giữa triết học Đông - Tây, đồng thời đúc kết thành hệ thống tư tưởng học thuật độc đáo của riêng mình. *Hồng lâu mộng bình luận* có thể xem như một kiệt tác được viết bởi Vương Quốc Duy bằng phương pháp văn học so sánh. Nó được công bố lần đầu trên tạp chí *Giáo dục Thế giới* vào tháng 6 năm 1904. Rõ ràng, từ góc độ kết cấu trí thức của Vương Quốc Duy có thể nhận thấy, công trình nghiên cứu này được ông viết ra dưới sự ảnh hưởng của tư tưởng triết học và mĩ học phương Tây. Tuy thế, với nền tảng Quốc học vững chắc cùng những hiểu biết sâu sắc về lí học phương Tây, Vương Quốc Duy không hề thụ động trong quá trình tiếp nhận lí thuyết phương Tây, đặc biệt là hệ thống lí thuyết triết học và mĩ học của Schopenhauer, mà hoàn toàn chủ động, thậm chí có những sáng tạo và đổi mới theo phong cách riêng. Theo cách nói của chính Vương Quốc Duy, công trình nghiên cứu đó của ông là sản phẩm của việc “*mượn chén rượu của người khác để giải sự phiền muộn của bản thân*”. Nói cách khác, ông đã sử dụng sáng tạo triết học phương Tây và lí thuyết thẩm mĩ hiện đại để đưa ra một cách giải thích mới về hiện tượng điển hình của văn học cổ điển Trung Quốc - *Hồng lâu mộng*. Do đó, ngày nay khi đọc lại bài viết này, người đọc không khó để nhận ra rằng, Vương Quốc Duy đã đạt đến đỉnh cao trong nghiên cứu liên ngành và đa văn hóa, điều mà trước ông chưa từng có ai làm được.

Một điều rất trùng hợp là cả hai nhà trí thức, nhân văn kiệt xuất Trung Quốc nói trên đều từng giảng dạy tại Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa. Do đó, trên phương diện thể chế khoa học, hai trường đại học trọng điểm trong thời kì Dân Quốc này cũng có những đóng góp cơ bản cho sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc. Về chương trình giảng dạy và bộ cục môn học, Đại học Thanh Hoa cởi mở và quốc tế hóa hơn so với Đại học Bắc Kinh. Do đó, nó được xem như cái nôi của văn học so sánh Trung Quốc hiện đại. Các học giả nhân văn của Đại học Thanh Hoa không chỉ xây dựng nền tảng giáo dục Quốc học vững chắc, mà còn tính cực tiếp nhận và quảng bá các hệ thống lí thuyết phương Tây hiện đại; đóng vai trò nền tảng quan trọng trong việc củng cố và phát triển hệ thống lí thuyết của văn học so sánh ở Trung Quốc. Sau này, hầu hết thế hệ học giả mới có thành tựu kiệt xuất trong lĩnh vực văn học so sánh hầu như đều trưởng thành từ trường đại học này. Nhưng thật không may, trong quá trình điều chỉnh hệ thống giáo dục đại học do Bộ Giáo dục Trung Quốc tiến hành vào đầu những năm

1950, Đại học Thanh Hoa đã biến thành một trường đại học trọng điểm thiên về khoa học và công nghệ. Cái nôi của khoa học nhân văn ngày nào giờ đã trở thành cơ sở trọng điểm đào tạo nhân tài cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Thậm chí, có những thời điểm, việc giảng dạy và nghiên cứu về khoa học nhân văn đã bị ngưng trệ và gián đoạn. Hệ quả của nó là, văn học so sánh đã trải qua một thời gian dài trong đời “trầm mặc” ở Trung Quốc. Mãi đến khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, chuyên ngành này mới được hồi sinh thực sự ở Trung Quốc. Trong thời kì này, các học giả của Đại học Bắc Kinh đã kế thừa truyền thống học thuật của các bậc tiền bối và đã có những đóng góp quan trọng cho sự hồi sinh cũng như phổ biến của khoa học này ở Trung Quốc.

Trên thực tế, giống như cách văn học so sánh đã được tiếp nhận vào Trung Quốc, một phong trào dịch thuật quy mô lớn đã được phát động trên toàn quốc. Các tư tưởng văn học và lí thuyết văn hóa chính của nước ngoài, đặc biệt là của phương Tây, đã được dịch và giới thiệu liên tiếp ở Trung Quốc. Điều này không chỉ cung cấp nguồn cảm hứng cho các nhà văn Trung Quốc trong sáng tạo văn học, mà còn đòi hỏi các nhà nghiên cứu văn học phải có ý thức coi văn học Trung Quốc là một phần của văn học thế giới. Một trong những kết quả của phong trào dịch thuật quy mô lớn này là trong một khoảng thời gian rất ngắn, hầu như tất cả các xu hướng và phong trào văn học lớn ở phương Tây đều được giới thiệu vào Trung Quốc thông qua các trung gian dịch thuật. Điều này có tác động mạnh mẽ đối với nền văn hoá văn học Trung Quốc hiện đương đại và đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển theo chiều sâu của văn học so sánh ở Trung Quốc trong giai đoạn tiếp theo.

Trong những năm 1920 và 1930, xuất hiện một nhóm các học giả nghiên cứu văn học xuất sắc trưởng thành từ một số trường đại học lớn ở Trung Quốc. Điều này thực sự là một may mắn lớn của khoa văn học so sánh tại Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp từ các trường đại học nổi tiếng ở phương Tây, họ về nước giảng dạy và trực tiếp đưa hệ thống tri thức về lí luận phê bình văn học phương Tây hiện đại vào giảng đường của các trường đại học tại Trung Quốc; qua đó đào tạo ra một thế hệ học giả mới am tường cả Quốc học và Tây học. Phạm Tồn Trung sau khi nhận Học vị Tiến sĩ từ Đại học Harvard đã về nước và giảng dạy Văn học Anh và Quan hệ Văn học Anh - Trung tại Đại học Đông Nam và Đại học Trung ương. Một số công trình nghiên cứu của ông đã sử dụng các phương pháp của văn học so sánh, đặc biệt là phương pháp của trường phái ảnh hưởng. Qua đó ông đã tổng kết ra nhiều quan điểm vừa có chiều sâu học thuật, vừa có những cách tân về mặt lí thuyết, được các học giả thế hệ sau noi theo học hỏi. Sau khi nhận bằng Thạc sĩ tại Đại học Harvard, Ngô Mật đã về nước và phụ trách giảng dạy các bộ môn Văn học so sánh Trung - Anh, Văn học và cuộc đời tại Đại học Thanh Hoa, đồng thời có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhân tài ngành khoa học nhân văn tại Trung Quốc. Ngoài ra, với tư cách là Chủ nhiệm Bộ môn Văn học nước ngoài và Chủ nhiệm Viện nghiên cứu Quốc học, ông đã đề xuất nhiều chủ trương độc đáo cho việc xây dựng chương trình đào tạo cũng như thiết kế chương trình giảng dạy của cả hai đơn vị nói trên. Tư tưởng giáo dục nhân văn thời kì đầu của ông vẫn có ảnh hưởng sâu sắc đến giáo dục nhân văn và đào tạo nhân tài của Đại học Thanh Hoa ngày nay.

Sau khi nhận bằng tiến sĩ tại Đại học Yale, Trần Gia đã về nước và tham gia giảng dạy các môn học như Nghiên cứu so sánh kịch Shakespeare với tạp kịch đời Nguyên tại Đại học Liên hiệp Tây Nam. Chu Quang Tiềm sau khi nhận bằng tiến sĩ từ Đại học Strasbourg đã về nước và phụ trách các bộ môn Mĩ học tiếp nhận và Lí luận văn học ở cả Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa. Đây đều là những học giả có kiến thức sâu rộng và uyên thâm về cả văn học Trung Quốc và châu Âu, lại có một nền tảng lí thuyết vững chắc và không ngừng đổi mới, nên các khóa học do họ giảng dạy đều có sức hút và ảnh hưởng sâu rộng đối với sinh viên. Trên thực tế, việc giảng dạy và nghiên cứu của họ đã thực tiễn hoá văn học so sánh trên cả hai phương diện lí thuyết và phương pháp, đồng thời trở thành những khuôn mẫu lí tưởng cho giới nghiên cứu văn học so sánh Trung Quốc sau này.



Ngoài ra, còn phải kể đến công hiến của các học giả khác cho sự phát triển của văn học so sánh ở Trung Quốc hiện đại, như Văn Nhất Đa, Diệp Công Siêu và Tiền Trung Thư ở Đại học Thanh Hoa và Đại học Liên hiệp Tây Nam, Trần Toàn ở Đại học Thanh Hoa và Đại học Đông Nam hay Phùng Chí Lâm và Biện Chi Lâm ở Đại học Bắc Kinh. Khi Văn Nhất Đa là Giáo sư và Trưởng khoa ở Đại học Thanh Hoa và Đại học Liên hiệp Tây Nam, ông thậm chí còn đề xuất vượt qua ranh giới giữa tiếng Trung và tiếng nước ngoài để đào tạo các học giả trẻ am tường cả tri thức Trung Quốc và phương Tây. Do sau đó ông bị ám sát bởi đặc vụ của Quốc dân đảng nên những sáng kiến trên chưa được thực hiện. Tuy thế, nhưng những nỗ lực ban đầu này của ông chắc chắn đã đặt một nền tảng lí thuyết và thực tiễn quan trọng cho sự hồi sinh mạnh mẽ sau này của văn học so sánh ở Trung Quốc sau đại cách mạng văn hoá.

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, do tính cởi mở và tính quốc tế của văn học so sánh, những sinh viên ngành văn học so sánh cần một nền tảng tốt về ngoại ngữ và kiến thức sâu rộng về văn học thế giới để có các cuộc thảo luận và đối thoại trực tiếp với các học giả từ nước ngoài. Đặc biệt, điều đáng nói là một số học giả nổi tiếng phương Tây, như I.A. Richards và William Empson - những người được mời đến Trung Quốc thỉnh giảng - cũng tham gia giảng dạy tại Đại học Thanh Hoa và Đại học Bắc Kinh, qua đó cung cấp cho sinh viên văn học ở các đại học này những động thái phát triển mới nhất của nghiên cứu phê bình văn học và lí thuyết phương Tây. Những nỗ lực và thành tựu nổi bật của họ chắc chắn đã mở đường cho sự trẻ hóa toàn diện của văn học so sánh ở Trung Quốc trong những năm 1980. Một số sinh viên đã tham gia các khóa học hoặc từng được nghe các bài giảng của họ sau này đều đã trở thành những học giả nổi tiếng trong lĩnh vực nghiên cứu văn học ở Trung Quốc, điển hình như Dương Châu Hàn, Lí Phú Ninh, Vương Hựu Lương, Chu Giác Lương,... Họ đã có những đóng góp quan trọng cho sự hồi sinh và phát triển của Văn học so sánh trong thời kì cải cách và mở cửa. Cần phải thừa nhận rằng, các bài giảng và thảo luận của các học giả kiệt xuất phương Tây nói trên không chỉ cung cấp cho sinh viên Trung Quốc một lượng kiến thức rộng lớn mà còn giúp họ có được những góc nhìn và phương thức tư duy mới. Cùng với việc xuất bản phiên bản tiếng Trung của *Văn học So sánh* - trước tác kinh điển của bậc thầy văn học so sánh Pháp Paul Van Tieghem, văn học so sánh đã trở nên quen thuộc với nhiều giáo sư đại học và sinh viên chuyên ngành văn học [15; tr. 47-60].

Giai đoạn này có thể xem như “Tiền lịch sử” của văn học so sánh Trung Quốc, nhưng “Tiền lịch sử” này đã đặt nền tảng vững chắc cho việc giới thiệu chính thức văn học so sánh vào Trung Quốc như một khoa học độc lập. Nếu không có những nỗ lực và thực hành táo bạo của các học giả tiên phong nói trên, địa vị của khoa nghiên cứu văn học so sánh tại Trung Quốc khó lòng được xác lập. Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949, triển vọng chính trị, kinh tế và xã hội của Trung Quốc đã có một diện mạo mới. Cùng với công cuộc xây dựng văn hóa mới, sáng tạo văn học và lí luận phê bình văn nghệ cũng đạt được những bước phát triển mới. Vốn dĩ đã có thể đạt được những tiến bộ lớn trong thời kì này, nhưng do ảnh hưởng tiêu cực của văn học giáo điều Xô viết và sự can thiệp của xu hướng tư tưởng “cánh Tả” trong giới lí thuyết văn học Trung Quốc, văn học so sánh từng bị coi là một ngành nguy khoa học của tầng lớp học giả tư sản; và vì thế bị đẩy ra ngoài rìa của khoa nghiên cứu văn học Trung Quốc trong suốt một thời gian dài. Mãi đến năm 1978, khi Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách và mở cửa, ngành khoa học này mới thực sự được hồi sinh và có được một sinh mệnh học thuật mới. Vì vậy, có thể xem giai đoạn “trầm lắng” này là thời kì “bên lề” của văn học so sánh ở Trung Quốc. Việc thực hiện cải cách và mở cửa ở Trung Quốc mở ra mùa xuân cho văn học so sánh. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, trình độ nghiên cứu văn học so sánh ở Trung Quốc đã bị tụt lại rất xa so với văn học so sánh quốc tế đương thời.

### **2.3. Tiếp nhận và ứng dụng lí thuyết Văn học So sánh ở Trung Quốc từ 1985 đến nay**

Như đã trình bày ở trên, văn học so sánh được du nhập vào Trung Quốc như một khoa học độc lập tương đối muộn. Tuy thế, ngay cả trước nó được “nhập khẩu” vào Trung Quốc một cách

hệ thống, nhiều học giả kiệt xuất của Trung Quốc như Chu Quang Tiềm, Phạm Tồn Trung, Trần Toàn, Tiền Trung Thư, Quý Tiễn Lâm, Ngô Mật, Dương Chu Hàn, Phương Trọng, Ngũ Lãi Phủ,... đã âm thầm tham gia vào việc nghiên cứu so sánh giữa văn học Trung Quốc và phương Tây; đồng thời đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, như: “Thi luận” của Chu Quang Tiềm, “Văn hoá Trung Quốc ở Vương quốc Anh thời kì khai sáng”, “Tập kịch ‘Đứa trẻ mồ côi họ Triệu’ ở Vương quốc Anh thời kì khai sáng” của Phạm Tồn Trung, “Nghiên cứu văn học Trung-Đức” của Trần Toàn, “Đàm nghệ lục” của Tiền Trung Thư, “Luận quan hệ văn hoá Trung - Ấn” của Quý Tiễn Lâm, “Hồng lâu mộng và văn học thế giới” của Ngô Mật, “Virgil và truyền thống của Thi ca Trung Quốc” của Dương Chu Hàn, “Văn học Anh và Trung Quốc trong thế kỉ 18” của Phương Trọng.... Trong số các học giả nói trên, Quý Tiễn Lâm, Dương Chu Hàn và trẻ hơn nữa là Nhạc Đại Vân đã có những đóng góp tiên phong và để lại dấu ấn cá nhân trong lịch sử phát triển của khoa nghiên cứu văn học so sánh tại Trung Quốc giai đoạn đầu sau cải cách. Có thể nói rằng ngay cả trong thời kì “bên lề” của văn học so sánh, các học giả nói trên vẫn âm thầm nghiên cứu. Các bài viết của họ về nghiên cứu văn học so sánh chắc chắn có đóng góp quan trọng cho sự hồi sinh của ngành học này ở Trung Quốc trong kỷ nguyên mới. Một số học giả, như Tiền Trung Thư, Quý Tiễn Lâm, Dương Chu Hàn và Nhạc Đại Vân, xứng đáng là những đại biểu kiệt xuất của văn học so sánh Trung Quốc đương đại.

Ngay khi văn học so sánh được tiếp nhận một cách hệ thống ở Trung Quốc, các học giả Trung Quốc đã cùng lúc áp dụng cả hai phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học này, bao gồm: nghiên cứu ảnh hưởng và nghiên cứu song song. Về phương pháp nghiên cứu, các học giả văn học so sánh Trung Quốc thường không quá đặt nặng vấn đề trường phái, cũng không tôn sùng các học thuyết và phương pháp luận của nước ngoài một cách mù quáng. Thay vào đó, họ áp dụng phương châm áp dụng kết hợp mọi phương pháp chỉ cần nó phù hợp với Trung Quốc. Do đó, họ không chỉ học từ trường Pháp vốn nhấn mạnh tính thực chứng, mà còn tiếp nhận cả trường Mĩ nhấn mạnh tính thẩm mĩ của văn chương cũng như nghiên cứu so sánh song song liên ngành. Ngoài ra, các học giả văn học so sánh Trung Quốc đã đặc biệt chú ý đến việc nghiên cứu văn học so sánh Trung Quốc và phương Tây qua các khoa học liên ngành ngay từ khi nó được du nhập vào Trung Quốc. Như đã đề cập ở trên, ở một số học giả kiệt xuất, bản thân họ cùng lúc đảm nhận việc giảng dạy cho nhiều ngành khoa học nhân văn. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu so sánh văn học Trung Quốc và nước ngoài, họ có được những ưu thế nổi trội, các quan niệm mà họ tổng kết hay đúc rút do đó đều có giá trị tham khảo hết sức mới mẻ.

Cần phải thừa nhận rằng trước cách mạng văn hóa, một số nghiên cứu văn học so sánh của các học giả không hề tập trung vào việc xây dựng hệ hình lí thuyết cho khoa văn học so sánh. Các học giả thường tập trung vào nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học Trung Quốc và nước ngoài; hoặc từ quan điểm của văn học phương Tây để khảo sát, phân tích văn học Trung Quốc; hoặc xuất phát từ góc nhìn của các học giả Trung Quốc để đưa ra quan điểm riêng của họ về văn học phương Tây. Kể từ sau cải cách và mở cửa, các học giả Trung Quốc thông qua sự giao lưu thường xuyên và liên tục với giới nghiên cứu thế giới, qua đó nắm bắt được các động thái phát triển mới nhất của khoa học chuyên ngành cũng như các đại diện tiêu biểu của nó, đặc biệt là thành quả nghiên cứu của các học giả nổi tiếng phương Tây.

Thông qua sự nỗ lực chung của các học giả thuộc Khoa ngôn ngữ văn học Trung Quốc và Khoa ngoại ngữ trong các trường đại học, văn học so sánh cuối cùng đã trở thành một chuyên ngành cấp hai trong khuôn khổ chuyên ngành cấp một “Ngôn ngữ văn học Trung Quốc”. Năm 1998, trong danh mục các chuyên ngành đào tạo, Văn học so sánh đã được hợp nhất với chuyên ngành Văn học thế giới vốn có và hình thành chuyên ngành cấp một “Văn học so sánh và văn học Thế giới”. Mặc dù chuyên viên phụ trách điều chỉnh danh mục chuyên ngành đào tạo của Bộ Giáo dục vào thời điểm đó có thể không nhận thức được tiến triển nghiên cứu của giới nghiên cứu quốc tế trên phương diện Văn học thế giới, song việc tích hợp Văn học so sánh và Văn học thế giới thành một chuyên ngành có ý nghĩa nhất định trong việc xác định tầm nhìn và

hướng phát triển cho khoa học này. Vào đầu thế kỉ 21, các học giả người Mĩ Franco Moretti và David Damrosch đã công bố hai công trình quan trọng “*Conjectures on World Literature/ Dự đoán về Văn học Thế giới*” (2000) và “*What Is World Literature?/ Văn học thế giới là gì?*” (2003). Thông qua sự nỗ lực của họ cùng với các học giả Âu Mĩ khác, “văn học thế giới” trở thành vấn đề lí luận mới của văn học so sánh quốc tế và giới nghiên cứu lí luận văn học thế giới. Trong khi đó, các học giả Trung Quốc xây dựng một chuyên ngành cấp hai “Văn học So sánh và nghiên cứu đa văn hóa” đặt trong khuôn khổ của chuyên ngành cấp một “Ngôn ngữ văn học nước ngoài”. Cùng với chuyên ngành “Văn học so sánh và Văn học thế giới” đã được xây dựng từ trước đó, chuyên ngành này cũng tuyển sinh và đào tạo ở cả hai bậc Thạc sĩ và Tiến sĩ. Đây đều là những yếu tố quan trọng khiến cho văn học so sánh có được bước phát triển mạnh mẽ, cũng như có được vị thế quan trọng trong hệ thống các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Trung Quốc ngày nay.

### 3. Kết luận

Trong vài thập kỷ qua, các học giả Trung Quốc đã xuất bản hơn 1000 chuyên khảo học thuật và hàng ngàn bài nghiên cứu, cũng như hàng loạt các chuyên khảo, bài nghiên cứu được dịch từ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật và các ngôn ngữ khác. Văn học so sánh ở Trung Quốc đã đạt đến một sự thịnh vượng chưa từng có trong lịch sử, thậm chí còn được gọi là một chuyên ngành “hot” ở nước này trong những năm gần đây. Năm 1985, tạp chí “Văn học so sánh Trung Quốc” lần đầu tiên được xuất bản tại Thượng Hải, điều này đã đặt dấu mốc cho văn học so sánh Trung Quốc từ một chuyên ngành mới phát triển thành một khoa học thuần thực và dần đạt được những bước tiến mới đáng nể. Một số học giả Trung Quốc xuất sắc đã phát huy năng lực ngoại ngữ của mình và công bố nhiều bài nghiên cứu trên các tạp chí học thuật quốc tế uy tín, mà qua đó giới văn học so sánh thế giới có được sự hình dung khá toàn diện về sự phát triển của khoa học này tại Trung Quốc.

Văn học so sánh đã xác lập được địa vị học thuật trong hệ thống các khoa nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở Trung Quốc. Từ năm 1994 đến nay, đã có 7 trường đại học được phép đào tạo chuyên ngành Tiến sĩ “Văn học so sánh và Văn học thế giới”. Nếu tính cả các chuyên ngành cấp hai được thiết lập trên cơ sở chuyên ngành cấp một “Ngôn ngữ văn học Trung Quốc”, toàn Trung Quốc hiện đã có hơn 50 trường đại học được phép tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành “Văn học so sánh và Văn học thế giới”. Nhiều trường đại học cũng đã thiết lập chuyên ngành cấp hai “Văn học so sánh và nghiên cứu đa văn hoá” trong khuôn khổ chuyên ngành cấp một “Ngôn ngữ văn học nước ngoài” và bước đầu tuyển sinh, đào tạo Tiến sĩ hướng nghiên cứu Văn học so sánh. Mục đích của họ là có thể đào tạo ra nhân tài thành thực song ngữ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhiều trường đại học thiết lập bộ môn “Văn học so sánh và Văn học thế giới” cho cả hai ngành đào tạo Ngôn ngữ văn học Trung Quốc và Ngôn ngữ văn học nước ngoài.

Việc thành lập Hiệp hội Văn học So sánh Trung Quốc vào năm 1985 đánh dấu sự hoàn thành của quá trình thể chế hóa văn học so sánh ở Trung Quốc. Theo sự khái quát của Vương Ninh, kể từ khi thành lập, Hiệp hội đã rất coi trọng việc xây dựng hệ thống lí thuyết chuyên ngành và nỗ lực làm nổi bật các đặc sắc tự thân trên hai khía cạnh chủ yếu: (1) *nhấn mạnh tính chất quốc tế hóa của chuyên ngành*, ngay sau khi được thành lập, Hiệp hội Văn học so sánh Trung Quốc đã trở thành thành viên của Hiệp hội Văn học so sánh quốc tế, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động học thuật do Hiệp hội quốc tế tổ chức, bao gồm cả việc đảm nhận các vị trí lãnh đạo của Hiệp hội; (2) *nhấn mạnh lập trường “bản địa hoá” hay “Trung Quốc hoá” trong quá trình xây dựng và phát triển chuyên ngành*. Các học giả Văn học So sánh Trung Quốc luôn kiên định đẩy mạnh việc phát triển khoa học này trên cơ sở những đặc sắc riêng có của văn hóa Trung Quốc. Mặc dù văn học so sánh lấy tính quốc tế hóa và toàn cầu hóa làm mục tiêu

phát triển, song do nghiên cứu văn học so sánh ở Trung Quốc được hình thành trong bối cảnh cụ thể của văn hoá, xã hội Trung Quốc, do đó nhiều chủ đề nghiên cứu của nó có liên quan chặt chẽ với nghiên cứu thực tại về văn học và văn hóa Trung Quốc. Về vấn đề này, các học giả văn học So sánh Trung Quốc đương đại như Vương Huệ Lâm, Tào Thuận Khánh, Vương Ninh có một cái nhìn tổng quan về sự phát triển của văn học so sánh Trung Quốc trong bối cảnh “nội địa hóa toàn cầu” đồng thời đã nhiều lần bày tỏ quan điểm học thuật này trên trường quốc tế [16; tr. 229-232].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Rong Hong, 1991. *The introduction of Western learning to the East · the era of University*, Hunan people's Publishing house, Changsha, 1991.(容洪:《西学东渐记·大学时代》。长沙:湖南人民出版社。)
- [2] Shu Xincheng, 1989. *History of studying abroad in modern China*, Series of the Republic of China (Part I), Shanghai Bookstore, Shanghai, 1989. (舒新城:《近代中国留学史》,《民国丛书(第一编)》。上海:上海书店。)
- [3] Shi Zhecun, 2012. “A collection of translated literature – Introduction” - A collection of modern Chinese Literature (1840-1919) (Vol. 26), Shanghai Bookstore press, Shanghai. (施蛰存:“翻译文学集·导言”,《中国近代文学大系(1840-1919) (第26卷)》。上海:上海书店出版社·2012。)
- [4] Yang Naiqiao, 2006. *An introduction to comparative literature*, Peking University Press, Beijing. (杨乃乔:《比较文学概论》。北京:北京大学出版社。)
- [5] Liang Qichao, 1989. “An introduction to Qing Dynasty learning”, Collection of ice drinking rooms (Vol. 34), Zhonghua Book Company, Beijing. (梁启超:《清代学术概论》·《饮冰室合集(第三十四集)》。北京:中华书局·1989。)
- [6] Qiu Jin, 1962. *Collection of Qiu Jin*, Zhonghua Book Company, Beijing. (秋瑾:《秋瑾集》。北京:中华书局·1962。)
- [7] Xu Zhongyu, 2012. “Collection of literary theories · Introduction (Volume 1)”, Department of modern Chinese Literature (1840-1919), Shanghai Bookstore, Shanghai. (徐中玉:《中国近代文学大系(1840-1919)·文学理论集·导言(第一卷)》。上海:上海书店·2012。)
- [8] Jiang Menglin, 2000. *West tide, new trend*, Yuelu publishing house, Changsha. (蒋梦麟:《西潮·新潮》。长沙:岳麓书社·2000。)
- [9] Yuan Jin, 2006. *Modern Transformation of Chinese literature*, Guangxi Normal University Press, Guilin. (袁进:《中国文学的近代变革》。桂林:广西师范大学出版社·2006。)
- [10] Wang Guowei, 1997 “Philosophical discrimination”, Collected works of Wang Guowei (Volume 3), China literature and history press, Beijing. (王国维:“哲学辨惑”,《王国维文集(第三卷)》。北京:中国文史出版社, 1997。)
- [11] Song Binghui, 2000. “Research on the relationship between Chinese and foreign literature in the 20th century and the expansion of the academic space of Comparative Literature”,

- Chinese Comparative Literature, 4. (宋炳辉:“20世纪中外文学关系研究与比较文学学术空间的拓展”, 《中国比较文学》·4(2000)。)
- [12] Bakhtin, 1995. “Two essays on Bakhtin's essays”, Translated by Liu Ning, *World literature*, 5. (巴赫金:“巴赫金文论两篇”, 刘宁译。《世界文学》5(1995)。)
- [13] Xia Zhiqing, 1979. *History of modern Chinese fiction*, Translated by Liu Shaoming, etc, Taiwan Biographical Literature Society, Taipei. (夏志清:《中国现代小说史》·刘绍铭等译。台北:台湾传记文学社·1979。)
- [14] Huang Lin, Huang Nianran, 2007. “An outline of the study of modern transformation of Chinese literary criticism”, *Journal of central China Normal University*, 5. (黄霖、黄念然:“中国文学批评近现代转型研究论纲”, 《华中师范大学学报(人文社会科学版)》5(2007)。)
- [15] Le Daiyun, 2004. “Imperial hegemony, cultural consciousness, comparative literature”, *Chinese Comparative Literature*, 1. (乐黛云:“帝国霸权·文化自觉·比较文学”, 《中国比较文学》1(2004)。)
- [16] Wangning, ed, May, 2018. Conflicts and Dialogues between Science and Humanities, *European Review*, Vol I. 26, No. 2.

## ABSTRACT

### The Acceptance and Application of the Discipline Theory of Comparative Literature in China

Ngô Viet Hoan

*Institute of Literature, Vietnam Academy of Social Sciences*

Based on the historical stages of the development of Chinese comparative literature, taking the establishment of the Chinese society of comparative literature in 1985 as a comparative point, this paper is a systematic study of the database of Chinese Comparative Literature and relevant historical events. On this basis, it summarizes the important characteristics of the acceptance and application of comparative literature theory in three stages of development in China: Pre historical period (1906-1949) - nonprofessional period and Externalization period (1949-1985) and Professional and International development period (1985 to present). At the same time, it depicts a vivid picture of comparative literature in China and its current development trend.

**Keywords:** Comparative Literature, the Upsurge of Studying Abroad, Reception Theory, China.